

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày 16 -11-2018

“V/v: Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạnh Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Tuấn; ông Trần Đức Liên

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX-ST ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị V, sinh năm 1979; nơi ĐKNKTT: Thôn S, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở hiện nay: xóm 5, thôn N, xã B, huyện D, Hà Nam.

* **Bị đơn:** anh Lê Thanh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị V; anh T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị V trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Lê Thanh T vào ngày 10/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T mãi chơi bời, rượu chè, bỏ bê công việc, không tu chí làm ăn. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tình trạng mâu thuẫn diễn ra trong thời gian kéo dài, mặc dù chị và gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi, vợ chồng đã sống ly thân nhiều lần, lần ly thân cuối cùng từ năm 2014 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau. Nay chị

nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Thanh T trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của chị V về điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn giữa anh và chị V. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh cho rằng: Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, làm ăn không có sự bàn bạc dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân nhiều lần. Cụ thể, khoảng năm 2013 chị V bỏ nhà anh đi về nhà mẹ đẻ, sau đó lại về chung sống, đến năm 2014 chị V lại bỏ đi đến nay. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, bạn bè khuyên giải nhiều lần, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, nay chị V xin ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Chị V và anh T cùng xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 22/7/2010, hiện tại cháu Đ đang ở với chị V. Khi ly hôn chị V xin nuôi cháu Đ, anh T cũng đồng ý để chị V nuôi cháu Đ. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn chị V, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: chị V, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: xử ly hôn giữa chị Lê Thị V và anh Lê Thanh T; về con chung: giao chị V nuôi dưỡng cháu Lê Thành Đ. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ, công sức: không đặt ra giải quyết; về án phí HNGĐ sơ thẩm, chị V phải nộp 300.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Thanh T vắng mặt, tuy nhiên anh T đã có đơn xin xử vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt anh T tại phiên tòa.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị V và anh Lê Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam đăng ký vào ngày 10/10/2006 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo hộ.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do mỗi bên đưa ra quan điểm lý lẽ riêng của mình, tuy nhiên cả chị V và anh T đã thừa nhận việc vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục và cả hai đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không quan tâm đến nhau. Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh T đã không đến tòa án làm việc và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và anh xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án cũng như phiên tòa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù kéo dài tình trạng như hiện tại của vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần giải quyết ly hôn giữa chị V và anh T là phù hợp thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật HNGĐ.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là cháu Lê Thanh Đ, sinh ngày 22/7/2010, hiện tại cháu Đ đang ở với chị V. Quan điểm của chị V và anh T đồng ý để chị V nuôi cháu Đ. Do vậy để đảm bảo điều kiện nuôi con chung tốt nhất, HĐXX cần giao chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thành Đ. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ và quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Chị V, anh T không có yêu cầu, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị V phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị V và anh Lê Thanh T.

2. Về con chung: Giao chị Lê Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thành Đ, sinh ngày 22/7/2010 kể từ tháng 12 năm 2018 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị V và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp theo

biên lai số 0000334 ngày 21/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên được đổi trừ khi thi hành án.

Báo cho chị Lê Thị V có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thanh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND huyện D.
- Chi cục THA huyện D.
- UBND xã T;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải

